UỶ BAN NHÂN DÂN **TỈNH VĨNH PHÚC**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Số: 23 /2018/QĐ-UBND	*Vĩnh Phúc, ngày 23 tháng 10 năm 2018*

SỞ THÔNG TIN VÀ TRUYỀN THÔNG T. VĨNH PHÚC
ĐẾN Số: 3330
Ngày: 26/10/2018
Chuyển:
Lưu hồ sơ:

QUYẾT ĐỊNH

Ban hành Quy định quản lý, tổ chức thực hiện một số chính sách hỗ trợ và cho vay giải quyết việc làm trên địa bàn tỉnh Vĩnh Phúc giai đoạn 2018-2020 theo Nghị quyết số 207/2015/NQ-HĐND ngày 22/12/2015 của HĐND tỉnh

UỶ BAN NHÂN DÂN TỈNH VĨNH PHÚC

Căn cứ Luật Tổ chức Chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật Việc làm số 38/2013/QH13 ngày 16 tháng 12 năm 2013;

Căn cứ Thông tư số 11/2017/TT-BTC ngày 08 tháng 02 năm 2017 của Bộ Tài chính quy định về quản lý và sử dụng nguồn vốn ngân sách địa phương ủy thác qua Ngân hàng chính sách xã hội để cho vay đối với người nghèo và các đối tượng chính sách khác;

Căn cứ Nghị quyết số 207/2015/NQ-HĐND ngày 22 tháng 12 năm 2015 của Hội đồng nhân dân tỉnh Vĩnh Phúc về một số chính sách hỗ trợ hoạt động giáo dục nghề nghiệp và giải quyết việc làm trên địa bàn tỉnh Vĩnh Phúc giai đoạn 2016-2020;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Lao động - Thương binh và Xã hội tại Tờ trình số 115/TTr-SLĐTBXH ngày 3 tháng 10 năm 2018 và Văn bản số 1745/SLĐTBXH-VLATLĐ ngày 19/10/2018; Kết quả thẩm định dự thảo văn bản quy phạm pháp luật của Sở Tư pháp tại Báo cáo số 145/BC-STP ngày 27 tháng 9 năm 2018.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Ban hành kèm theo Quyết định này Quy định quản lý, tổ chức thực hiện một số chính sách hỗ trợ và cho vay giải quyết việc làm trên địa bàn tỉnh Vĩnh Phúc giai đoạn 2018-2020 theo Nghị quyết số 207/2015/NQ-HĐND ngày 22/12/2015 của Hội đồng nhân dân tỉnh.

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày 05 tháng 11 năm 2018 và thay thế Quyết định số 18/2016/QĐ-UBND ngày 31/03/2016 của UBND tỉnh ban hành Quy định quản lý, tổ chức thực hiện một số chính sách hỗ trợ và cho vay giải quyết việc làm trên địa bàn tỉnh Vĩnh Phúc giai đoạn

2016-2020 theo Nghị quyết số 207/2015/NQ-HĐND ngày 22/12/2015 của HĐND tỉnh.

Chánh Văn phòng UBND tỉnh; Giám đốc các Sở, ban, ngành; Giám đốc Ngân hàng Chính sách xã hội tỉnh; Chủ tịch UBND các huyện, thành phố; Chủ tịch UBND các xã, phường, thị trấn và các đơn vị, tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:
- Bộ Lao động-TB&XH;
- VPCP, Cục KTVB-Bộ Tư pháp;
- TT Tỉnh ủy, TT HĐND tỉnh;
- Chủ tịch, các PCT UBND tỉnh;
- Đoàn ĐBQH tỉnh;
- CPVP UBND tỉnh;
- UBMTTQ tỉnh và các tổ chức đoàn thể tỉnh;
- Như Điều 2;
- Website Chính phủ;
- Báo Vĩnh Phúc, Đài PT-TH tỉnh;
- Cổng TTGT ĐT tỉnh, TT công báo tỉnh;
- Lưu: VT, VX1 (Tr 60 b).

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH

Nguyễn Văn Trì

UỶ BAN NHÂN DÂN **TỈNH VĨNH PHÚC**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

QUY ĐỊNH

Quản lý, tổ chức thực hiện một số chính sách hỗ trợ và cho vay giải quyết việc làm trên địa bàn tỉnh Vĩnh Phúc giai đoạn 2018-2020 theo Nghị quyết số 207/2015/NQ-HĐND ngày 22/12/2015 của HĐND tỉnh

(Ban hành kèm theo Quyết định số: 23/2018/QĐ-UBND ngày 23/10/2018 của UBND tỉnh Vĩnh Phúc)

Chương I
QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh

1. Quy định về đối tượng, trình tự, thủ tục hồ sơ; phương thức và thanh quyết toán kinh phí hỗ trợ; vay vốn qua Ngân hàng chính sách xã hội của người lao động tỉnh Vĩnh Phúc tự tạo việc làm mới tại chỗ, đi làm việc có thời hạn ở nước ngoài, thực tập sinh kỹ thuật ở Nhật Bản theo hợp đồng theo Nghị quyết số 207/2015/NQ-HĐND ngày 22/12/2015 của HĐND tỉnh về một số chính sách hỗ trợ hoạt động giáo dục nghề nghiệp và giải quyết việc làm trên địa bàn tỉnh Vĩnh Phúc giai đoạn 2016 - 2020.

2. Quy định về quản lý và sử dụng nguồn vốn giải quyết việc làm tỉnh Vĩnh Phúc; trách nhiệm của các cơ quan, đơn vị, tổ chức và người lao động có liên quan trong quản lý và sử dụng nguồn vốn giải quyết việc làm của tỉnh.

Điều 2. Đối tượng áp dụng

1. Người lao động từ đủ 15 tuổi trở lên, có khả năng lao động, có nhu cầu làm việc, có hộ khẩu thường trú liên tục từ 6 tháng trở lên (tính đến thời điểm xuất cảnh đối với đối tượng hỗ trợ giải quyết việc làm ngoài nước) và hiện đang sinh sống tại tỉnh Vĩnh Phúc:

a) Tự tạo việc làm mới tại chỗ;

b) Đi làm việc có thời hạn ở nước ngoài, thực tập sinh kỹ thuật ở Nhật Bản theo hợp đồng.

2. Đối tượng ưu tiên:

Người thuộc diện được hưởng chế độ ưu đãi người có công với cách mạng, người thuộc hộ nghèo, người dân tộc thiểu số, người khuyết tật.

Điều 3. Nguyên tắc, thời gian hỗ trợ và vay vốn

1. Nguyên tắc hỗ trợ

Đảm bảo đúng đối tượng, trình tự, thủ tục. Người lao động chỉ được hỗ trợ một lần theo Nghị quyết số 207/2015/NQ-HĐND ngày 22/12/2015 của HĐND tỉnh Vĩnh Phúc.

2. Nguyên tắc vay vốn

a) Người vay phải sử dụng vốn vay đúng mục đích.

b) Người vay phải trả nợ gốc và lãi đúng hạn.

3. Thời gian áp dụng: Từ ngày Quyết định này có hiệu lực thi hành đến hết ngày 31/12/2020.

Chương II
QUY ĐỊNH CỤ THỂ
Mục 1:
HỖ TRỢ CHI PHÍ CHO NGƯỜI LAO ĐỘNG ĐI LÀM VIỆC CÓ THỜI HẠN Ở NƯỚC NGOÀI, THỰC TẬP SINH KỸ THUẬT Ở NHẬT BẢN THEO HỢP ĐỒNG

Điều 4. Điều kiện và mức hỗ trợ

1. Điều kiện hỗ trợ

Người lao động thuộc đối tượng nêu tại Khoản 1, Khoản 2 Điều 2 Quy định này đi làm việc có thời hạn ở nước ngoài, thực tập sinh kỹ thuật ở Nhật Bản theo hợp đồng bằng một trong các hình thức sau:

a) Người lao động đi làm việc theo hợp đồng với các doanh nghiệp, tổ chức hoạt động dịch vụ đưa người lao động đi làm việc ở nước ngoài.

b) Người lao động ký kết hợp đồng cá nhân đi làm việc nước ngoài với đối tác nước ngoài *(theo quy định của Bộ Lao động - TB&XH)*.

c) Người lao động đi làm việc có thời hạn tại Hàn Quốc theo Chương trình EPS *(Luật cấp phép cho người lao động nước ngoài của Hàn Quốc)*.

2. Nội dung hỗ trợ

Hỗ trợ cho người lao động để chi trả một phần các chi phí, lệ phí hợp pháp, cần thiết như: đào tạo nghề, học ngoại ngữ, bồi dưỡng kiến thức cần thiết, chi phí thủ tục làm hộ chiếu, thị thực, lý lịch tư pháp, khám sức khỏe và các chi phí khác có liên quan.

3. Mức hỗ trợ

Mức hỗ trợ một số chi phí cho người lao động đi làm việc ở nước ngoài theo hợp đồng, thực tập sinh kỹ thuật ở Nhật Bản thực hiện theo quy định tại điểm c Khoản 2 Điều 1 Nghị quyết số 207/2015/NQ-HĐND ngày 22/12/2015 của Hội đồng nhân dân tỉnh.

Điều 5. Thành phần hồ sơ, trình tự, thời gian và cách thức thực hiện

1. Số lượng và thành phần hồ sơ đề nghị hỗ trợ

a) Số lượng hồ sơ: 01 bộ.

b) Thành phần hồ sơ gồm:

- Đơn đề nghị hỗ trợ chi phí do người lao động hoặc người được ủy quyền làm hồ sơ có xác nhận của UBND cấp xã nơi cư trú, gồm các nội dung cơ bản sau:

+ Thông tin về người lao động: Họ và tên *(viết chữ in hoa)*; ngày, tháng, năm sinh; CMND (hoặc thẻ căn cước): số, ngày cấp, nơi cấp; địa chỉ đăng ký hộ khẩu thường trú *(ghi rõ thông tin thôn, xóm, khu hành chính; xã, phường, thị trấn; huyện, thành phố)*, số điện thoại *(cố định, di động)*, email *(nếu có)*, địa chỉ liên hệ; tên người liên hệ; địa chỉ *(ghi rõ thông tin thôn, xóm, khu hành chính; xã, phường, thị trấn; huyện, thành phố)*; số điện thoại liên hệ *(cố định, di động)*; email *(nếu có)*; ngày đăng ký thường trú tại Vĩnh Phúc; số hộ chiếu; ngày xuất cảnh; đi xuất khẩu lao động theo hình thức nào? *(Hợp đồng với doanh nghiệp dịch vụ, Hợp đồng cá nhân, chương trình EPS, IM Japan...)*, nước đến làm việc; công ty đưa lao động đi *(đơn vị)*, tên người đại diện doanh nghiệp; chức vụ; số điện thoại liên hệ, số giấy phép; số hợp đồng đã ký; thuộc đối tượng ưu tiên (nếu có); số tiền đề nghị hỗ trợ.

+ Thông tin về người được ủy quyền: Họ và tên; ngày, tháng, năm sinh; CMND (hoặc thẻ căn cước): số, ngày cấp, nơi cấp; địa chỉ đăng ký hộ khẩu thường trú, số điện thoại; quan hệ với người ủy quyền *(Nội dung này chỉ yêu cầu kê khai đối với trường hợp người lao động đã xuất cảnh, ủy quyền cho người thân làm hồ sơ đề nghị hỗ trợ và nhận tiền hỗ trợ)*.

- Giấy ủy quyền (bản gốc) theo quy định của pháp luật *(áp dụng đối với trường hợp người lao động đã xuất cảnh ủy quyền cho người thân làm hồ sơ đề nghị hỗ trợ và nhận tiền hỗ trợ)* gồm:

+ Thông tin người ủy quyền: Họ và tên; ngày, tháng, năm sinh; số CMND (hoặc thẻ căn cước): số, ngày cấp, nơi cấp; địa chỉ đăng ký hộ khẩu thường trú, số điện thoại, email *(nếu có)*.

+ Thông tin về người được ủy quyền: Họ và tên; ngày, tháng, năm sinh; số CMND (hoặc thẻ căn cước): số, ngày cấp, nơi cấp; địa chỉ đăng ký hộ khẩu thường trú, số điện thoại; quan hệ với người ủy quyền.

- Bản sao Hợp đồng đưa người lao động đi làm việc ở nước ngoài, đi thực tập sinh kỹ thuật ở Nhật Bản ký giữa người lao động với doanh nghiệp dịch vụ hoặc đơn vị có chức năng đưa người lao động đi làm việc có thời hạn ở nước ngoài *(đối với trường hợp người lao động được doanh nghiệp dịch vụ hoặc đơn vị có chức năng tuyển chọn đi làm việc, thực tập sinh kỹ thuật ở Nhật Bản)* hoặc hợp đồng cá nhân *(đối với trường hợp người lao động đi làm việc ở nước ngoài theo hợp đồng cá nhân)* hoặc hợp đồng đưa lao động đi làm việc tại Hàn Quốc theo Chương trình cấp phép việc làm cho lao động nước ngoài của Hàn Quốc *(đối với các trường hợp đi làm việc có thời hạn tại Hàn Quốc theo chương trình EPS)*.

- Bản sao hộ chiếu đã được cấp visa xuất cảnh của người lao động đi làm việc ở nước ngoài, đi thực tập sinh kỹ thuật ở Nhật Bản theo hợp đồng.

- Hóa đơn mua vé hợp pháp hoặc Lịch trình bay có xác nhận của đại lý bán vé hoặc cuống vé máy bay hoặc thẻ lên máy bay.

- Hồ sơ khác:

+ Người lao động là thân nhân người có công với cách mạng: Giấy xác nhận là thân nhân người có công với cách mạng do Phòng Lao động - TB&XH huyện, thành phố xác nhận.

+ Người lao động là người dân tộc thiểu số: Bản sao giấy khai sinh theo quy định của pháp luật.

+ Người lao động thuộc hộ nghèo: Bản sao giấy chứng nhận hộ nghèo do cơ quan có thẩm quyền cấp *(tính tại thời điểm người lao động ký hợp đồng với doanh nghiệp Dịch vụ xuất khẩu)*.

Đối với giấy tờ là bản sao, người lao động *(hoặc người được uỷ quyền)* có trách nhiệm xuất trình bản gốc để đối chiếu hoặc 01 bản sao có chứng thực, nếu hợp đồng bằng tiếng nước ngoài thì phải dịch ra tiếng Việt và chứng thực theo quy định của Pháp luật Việt Nam.

2. Thời gian, trình tự và cách thức thực hiện

a) Thời gian giải quyết: 07 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ.

b) Trình tự, cách thức thực hiện:

- Giao Trung tâm Đào tạo Lao động xuất khẩu thuộc Sở Lao động - TB&XH là nơi tiếp nhận hồ sơ, thẩm định và cấp kinh phí hỗ trợ cho người lao động theo quy định.

- Người lao động *(hoặc người được ủy quyền)* phải trực tiếp nộp hồ sơ đề nghị hỗ trợ cho Trung tâm Đào tạo Lao động xuất khẩu. Trung tâm thực hiện tiếp nhận hồ sơ, đối chiếu tính chính xác của bản sao với bản gốc *(hoặc bản sao có chứng thực),* ghi phiếu tiếp nhận hồ sơ gửi lại cho người nộp hồ sơ ghi rõ: ngày, tháng, năm nhận hồ sơ; những giấy tờ có trong hồ sơ và thời hạn trả kết quả. Trường hợp hồ sơ chưa đầy đủ, Trung tâm Đào tạo Lao động xuất khẩu có trách nhiệm hướng dẫn người lao động hoặc người được ủy quyền bổ sung hồ sơ.

- Trong thời hạn 07 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ, Trung tâm Đào tạo Lao động xuất khẩu thẩm định hồ sơ, Giám đốc Trung tâm ban hành Quyết định hỗ trợ và chi trả kinh phí hỗ trợ cho người lao động hoặc người được ủy quyền theo quy định. Trường hợp hồ sơ không đủ điều kiện hỗ trợ thì Trung tâm phải có văn bản trả lời người nộp hồ sơ và nêu rõ lý do. Nếu quá thời hạn 07 ngày làm việc, người lao động không được hỗ trợ hoặc không nhận được văn bản trả lời của Trung tâm Đào tạo Lao động xuất khẩu thì Giám đốc Trung tâm Đào tạo Lao động xuất khẩu chịu trách nhiệm trước Trưởng Ban chỉ đạo giải quyết việc làm tỉnh và Giám đốc Sở Lao động - Thương binh và Xã hội.

c) Xử lý thu hồi và hoàn trả tiền hỗ trợ:

Trường hợp người lao động đi làm việc ở nước ngoài, đi thực tập sinh kỹ thuật ở Nhật Bản theo hợp đồng đã nhận tiền hỗ trợ nhưng không xuất cảnh được thì Giám đốc Trung tâm Đào tạo Lao động xuất khẩu ban hành Quyết định thu hồi tiền hỗ trợ. Chậm nhất sau 30 ngày, kể từ ngày ký quyết định ban hành, người nhận tiền hỗ trợ có trách nhiệm hoàn trả số tiền đã nhận.

Mục 2
QUẢN LÝ VÀ SỬ DỤNG VỐN VAY TỪ NGUỒN VỐN GIẢI QUYẾT VIỆC LÀM CỦA TỈNH

Điều 6. Nguồn vốn giải quyết việc làm của tỉnh và triển khai cho vay

1. Nguồn vốn giải quyết việc làm của tỉnh (gọi tắt Nguồn vốn GQVL) được hình thành từ nguồn: ngân sách địa phương do Hội đồng nhân dân tỉnh phê duyệt hàng năm; hỗ trợ của các tổ chức, cá nhân trong và ngoài nước và các nguồn hỗ trợ hợp pháp khác; nguồn tiền lãi thu được từ cho vay giải quyết việc làm hàng năm *(nếu có)*.

2. Triển khai cho vay: Nguồn vốn giải quyết việc làm của tỉnh được uỷ thác qua Ngân hàng Chính sách xã hội, sử dụng cho vay để giải quyết việc làm theo đúng mục tiêu giải quyết việc làm của Tỉnh và Trung ương.

Điều 7. Điều kiện được vay vốn

1. Người lao động tự tạo việc làm mới tại chỗ

a) Có đầy đủ năng lực hành vi dân sự;

b) Có nhu cầu vay vốn để tự tạo việc làm mới hoặc duy trì và mở rộng việc làm cho thành viên trong hộ hoặc thu hút thêm lao động, có xác nhận của UBND cấp xã nơi thực hiện dự án;

c) Cư trú hợp pháp, có hộ khẩu thường trú liên tục từ 6 tháng trở lên, hiện đang sinh sống tại tỉnh Vĩnh Phúc và thực hiện dự án tại địa phương.

2. Người lao động đi làm việc có thời hạn ở nước ngoài, thực tập sinh kỹ thuật ở Nhật Bản theo hợp đồng

a) Cư trú hợp pháp, có hộ khẩu thường trú liên tục từ 6 tháng trở lên và hiện đang sinh sống tại tỉnh Vĩnh Phúc;

b) Có nhu cầu vay vốn để đi lao động có thời hạn ở nước ngoài, thực tập sinh kỹ thuật ở Nhật Bản theo hợp đồng;

c) Có hợp đồng lao động đi làm việc có thời hạn ở nước ngoài, thực tập sinh kỹ thuật ở Nhật Bản.

d) Trường hợp người lao động được doanh nghiệp hoặc chi nhánh doanh nghiệp dịch vụ tuyển chọn đi làm việc có thời hạn ở nước ngoài, đi thực tập sinh kỹ thuật ở Nhật Bản thì doanh nghiệp hoặc chi nhánh doanh nghiệp dịch vụ này

đã thông báo giấy phép hoạt động dịch vụ với Sở Lao động-TB&XH theo quy định của Pháp luật.

đ) Đối với các mức vay quy định có tài sản bảo đảm, người lao động phải có tài sản bảo đảm tiền vay theo quy định của pháp luật.

Điều 8. Mục đích sử dụng vốn vay

1. Mua sắm vật tư, máy móc, thiết bị, mở rộng nhà xưởng nhằm tạo việc làm, duy trì và mở rộng việc làm, nâng cao năng lực sản xuất - kinh doanh. Mua sắm nguyên liệu, giống cây trồng, vật nuôi, thanh toán các dịch vụ phục vụ sản xuất kinh doanh.

2. Chi trả các chi phí, lệ phí cần thiết của người lao động để đi làm việc có thời hạn ở nước ngoài, thực tập sinh kỹ thuật ở Nhật Bản theo hợp đồng gồm: chi phí đào tạo; phí môi giới; phí dịch vụ; tiền ký quỹ; vé máy bay một lượt từ Việt Nam đến nước mà người lao động tới làm việc; phí khám sức khỏe; phí làm hộ chiếu, thị thực, lý lịch tư pháp; chi phí mua vali, đồng phục, đồ dùng mang sang nước ngoài; chi phí ăn, nghỉ, đi lại, điện nước trong quá trình học tại Việt Nam; mang một khoản tiền sang nước ngoài để chi phí trong tháng đầu tiên chưa có thu nhập và chi phí cần thiết khác.

Điều 9. Mức vốn vay, thời hạn, lãi suất, phương thức cho vay và bảo đảm tiền vay

1. Mức vốn vay

Mức cho vay được xác định căn cứ vào nhu cầu vay vốn và khả năng hoàn trả nợ theo quy định sau:

a) Người lao động tự tạo việc làm mới tại chỗ mức vay tối đa 50 triệu đồng.

b) Người lao động đi làm việc có thời hạn ở nước ngoài, thực tập sinh kỹ thuật ở Nhật Bản theo hợp đồng được áp dụng một trong các mức vay sau:

- Người lao động đi làm việc có thời hạn ở nước ngoài, thực tập sinh kỹ thuật ở Nhật Bản theo hợp đồng từ 12 tháng đến dưới 36 tháng được vay không phải bảo đảm tiền vay tối đa đến 50 triệu đồng.

- Người lao động đi thực tập sinh kỹ thuật ở Nhật Bản theo hợp đồng từ 36 tháng trở lên được hỗ trợ vay không phải bảo đảm tiền vay theo đối tượng ưu tiên như sau:

+ Người lao động là đối tượng ưu tiên tại khoản 2 điều 2 Quy định này và đối tượng thuộc hộ cận nghèo được vay đến 100 triệu đồng;

+ Người lao động thuộc các đối tượng còn lại được vay đến 80 triệu đồng.

- Người lao động đi làm việc có thời hạn ở nước ngoài, thực tập sinh kỹ thuật ở Nhật Bản theo hợp đồng từ 36 tháng trở lên có nhu cầu vay trên mức không phải bảo đảm tiền vay tối đa 200 triệu đồng phải có tài sản bảo đảm theo quy định của pháp luật.

2. Thời hạn vay

a) Người lao động tự tạo việc làm mới tại chỗ: Thời hạn vay vốn không quá 60 tháng *(5 năm)*. Thời hạn vay vốn cụ thể do Ngân hàng Chính sách xã hội và người vay thỏa thuận căn cứ vào nguồn vốn, chu kỳ sản xuất, kinh doanh và khả năng trả nợ của người vay.

b) Người lao động đi làm việc có thời hạn ở nước ngoài, thực tập sinh kỹ thuật ở Nhật Bản theo hợp đồng: Thời hạn cho vay không vượt quá thời hạn ghi trong hợp đồng đi làm việc ở nước ngoài, thực tập sinh kỹ thuật ở Nhật Bản.

3. Lãi suất vay

a) Người lao động tự tạo việc làm tại chỗ: Mức lãi suất cho vay bằng mức lãi suất vay vốn đối với hộ nghèo theo từng thời kỳ do Thủ tướng Chính phủ quy định.

b) Người lao động đi làm việc có thời hạn ở nước ngoài, thực tập sinh kỹ thuật ở Nhật Bản theo hợp đồng:

- Người lao động là đối tượng ưu tiên tại khoản 2 điều 2 Quy định này: Mức lãi suất vay theo điểm a, khoản 3 Điều này và được hỗ trợ 100% mức lãi suất vay trong 12 tháng đầu kể từ ngày nhận tiền vay.

- Người lao động thuộc các đối tượng còn lại: Mức lãi suất vay theo điểm a, khoản 3 Điều này và được hỗ trợ 30% mức lãi suất vay trong 12 tháng đầu kể từ ngày nhận tiền vay.

c) Lãi suất nợ quá hạn bằng 130% lãi suất khi cho vay.

4. Phương thức cho vay

- Mức vay không phải bảo đảm tiền vay thực hiện cho vay ủy thác theo quy trình cho vay ủy thác qua các tổ chức Chính trị xã hội (viết tắt là TCCT-XH) và thông qua Tổ Tiết kiệm và vay vốn (viết tắt là Tổ TK&VV);

- Mức vay phải bảo đảm tiền vay và các hộ độc thân vay vốn đi làm việc có thời hạn ở nước ngoài, thực tập sinh kỹ thuật ở Nhật Bản theo hợp đồng thì thực hiện cho vay trực tiếp tại Ngân hàng Chính sách xã hội nơi cho vay.

- Riêng trường hợp cho người lao động vay ký quỹ đi làm việc có thời hạn tại Hàn Quốc theo chương trình EPS thực hiện quy trình, thủ tục cho vay theo quy định hiện hành của Ngân hàng Chính sách xã hội.

5. Bảo đảm tiền vay

Việc bảo đảm tiền vay được thực hiện như sau:

a) Cho vay không phải bảo đảm tiền vay *(cho vay tín chấp);*

b) Cho vay phải bảo đảm tiền vay theo quy định của pháp luật *(cho vay thế chấp).*

Điều 10. Lập hồ sơ, thẩm định và phê duyệt cho vay

1. Lập hồ sơ vay vốn

a) Người lao động tự tạo việc làm mới tại chỗ, hồ sơ vay vốn 01 bộ gồm:

- Giấy đề nghị vay vốn theo hướng dẫn của Ngân hàng Chính sách xã hội, có xác nhận của UBND cấp xã về việc cư trú hợp pháp.

- Giấy tờ chứng minh đối tượng ưu tiên quy định tại khoản 2 Điều 2 Quy định này, hộ cận nghèo *(nếu có)*: Giấy xác nhận là người có công, thân nhân người có công với cách mạng của Phòng Lao động - TB&XH cấp huyện đối với người lao động là người có công, thân nhân người có công với cách mạng; Bản sao giấy chứng nhận hộ nghèo, hộ cận nghèo đối với người lao động thuộc hộ nghèo, hộ cận nghèo; Bản sao chứng minh nhân dân hoặc thẻ căn cước công dân hoặc hộ chiếu đối với người lao động là người dân tộc thiểu số; Bản sao giấy xác nhận là người khuyết tật đối với người lao động là người khuyết tật.

Trường hợp cho người lao động vay vốn thông qua hộ gia đình thì người lao động phải có giấy tờ chứng minh đối tượng ưu tiên theo quy định nêu trên.

b) Đối với người lao động đi làm việc có thời hạn ở nước ngoài, thực tập sinh kỹ thuật ở Nhật Bản theo hợp đồng, hồ sơ vay vốn 01 bộ gồm:

- Giấy đề nghị vay vốn đi làm việc có thời hạn ở nước ngoài, thực tập sinh kỹ thuật ở Nhật Bản theo hướng dẫn của Ngân hàng Chính sách xã hội, có xác nhận của UBND cấp xã về việc cư trú hợp pháp.

- Bảng kê chi tiết các khoản chi phí, lệ phí cần thiết theo khoản 2 Điều 8 Quy định này do người lao động có nhu cầu vay vốn tự kê khai.

- Giấy tờ để chứng minh người lao động đi làm việc có thời hạn ở nước ngoài theo hợp đồng: Bản sao có chứng thực Hợp đồng được ký kết giữa người lao động với doanh nghiệp, tổ chức dịch vụ *(đối với trường hợp đi làm việc có thời hạn ở nước ngoài, thực tập sinh kỹ thuật ở Nhật Bản qua doanh nghiệp hoặc tổ chức dịch vụ)* hoặc hợp đồng cá nhân *(đối với trường hợp đi làm việc ở nước ngoài theo hợp đồng cá nhân)* hoặc hợp đồng đưa lao động đi làm việc tại Hàn Quốc theo Chương trình cấp phép việc làm cho lao động nước ngoài của Hàn Quốc *(đối với trường hợp đi làm việc có thời hạn ở Hàn Quốc theo Chương trình EPS)*. Trường hợp hợp đồng bằng tiếng nước ngoài thì phải dịch ra tiếng Việt và chứng thực theo quy định của Pháp luật Việt Nam; Hợp đồng đưa người lao động đi làm việc ở nước ngoài phải do đại diện theo pháp luật của Doanh nghiệp dịch vụ xuất khẩu lao động ký với người lao động *(Tổng giám đốc hoặc Giám đốc của doanh nghiệp được cấp Giấy phép)* hoặc người được ủy quyền theo pháp nhân của doanh nghiệp *(Tổng giám đốc ủy quyền cho Phó tổng giám đốc; Giám đốc ủy quyền cho Phó giám đốc);* Tất cả các trường hợp ủy quyền đều phải có Giấy ủy quyền ghi rõ nội dung được ủy quyền ký kết Hợp đồng đưa người lao động đi làm việc ở nước ngoài *(Bản chính hoặc bản sao có chứng thực)* và phải đóng dấu của chính Doanh nghiệp được cấp phép trên hợp đồng.

- Giấy tờ chứng minh người lao động thuộc đối tượng ưu tiên *(nếu có)*: Giấy xác nhận là thân nhân người có công với cách mạng của Phòng Lao động - TB&XH cấp huyện đối với người lao động là thân nhân với người có công với

cách mạng; bản sao chứng thực giấy chứng nhận hộ nghèo (hộ cận nghèo) đối với người lao động thuộc hộ nghèo (hộ cận nghèo) *(tính tại thời điểm người lao động ký hợp đồng với doanh nghiệp Dịch vụ xuất khẩu);* bản sao chứng thực chứng minh nhân dân hoặc hộ chiếu hoặc thẻ căn cước công dân đối với người lao động là người dân tộc thiểu số.

- Đối với các trường hợp cho vay có sử dụng tài sản bảo đảm ngoài việc có đầy đủ hồ sơ được quy định tại điểm b khoản 1 Điều này thì phải có tài sản bảo đảm thế chấp cho khoản vay theo quy định của pháp luật.

2. Thẩm định, phê duyệt hồ sơ vay vốn

a) Đối với người lao động tự tạo việc làm mới tại chỗ: Ngân hàng Chính sách xã hội ủy thác qua TCCT-XH và Tổ TK&VV.

- Trong thời hạn 05 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ vay vốn, TCCT-XH cấp xã và Tổ TK&VV tổ chức bình xét, thẩm định trình UBND cấp xã xác nhận sau đó gửi hồ sơ vay vốn cho Ngân hàng Chính sách xã hội nơi cho vay.

- Trong thời hạn 07 ngày làm việc kể từ ngày nhận đầy đủ hồ sơ, Ngân hàng Chính sách xã hội nơi cho vay tổ chức thẩm định, trình Chủ tịch UBND cấp huyện nơi thực hiện dự án phê duyệt.

- Trong thời hạn 05 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ đã thẩm định, Chủ tịch UBND cấp huyện xem xét, phê duyệt. Nếu không ra Quyết định phê duyệt, có văn bản trả lời và nêu rõ lý do để Ngân hàng Chính sách xã hội nơi cho vay thông báo cho người vay.

- Khi nhận được Quyết định phê duyệt cho vay, Ngân hàng Chính sách xã hội thực hiện giải ngân cho người vay theo quy định (không quá 10 ngày kể từ ngày nhận được Quyết định phê duyệt cho vay). Nếu Ngân hàng Chính sách xã hội nhận được văn bản trả lời của UBND cấp huyện không phê duyệt cho vay thì thông báo cho người vay.

b) Đối với người đi làm việc có thời hạn ở nước ngoài, thực tập kỹ thuật ở Nhật Bản theo hợp đồng.

- Cho vay trực tiếp tại Ngân hàng Chính sách xã hội nơi cho vay: Trong thời hạn 07 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đầy đủ hồ sơ vay vốn, Ngân hàng chính sách xã hội nơi cho vay kiểm tra, đối chiếu tính hợp pháp, hợp lệ của bộ hồ sơ vay vốn; thẩm định tài sản bảo đảm tiền vay và cùng người vay lập Hợp đồng thế chấp, cầm cố *(nếu có)* và Hợp đồng tín dụng, Ngân hàng Chính sách xã hội phê duyệt cho vay và thực hiện giải ngân cho người vay theo quy định. Nếu không phê duyệt cho vay thì phải trả lời bằng văn bản, nêu rõ lý do và thông báo cho người vay.

- Cho vay ủy thác theo quy trình cho vay của Ngân hàng Chính sách xã hội qua các TCCT-XH và Tổ TK&VV:

+ Trong thời hạn 05 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được hồ sơ vay vốn, TCCT-XH, Tổ TK&VV bình xét, kiểm tra tính hợp lý, hợp lệ, trình UBND cấp xã xác nhận sau đó gửi hồ sơ về Ngân hàng Chính sách xã hội nơi cho vay.

+ Trong thời hạn 07 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được hồ sơ vay vốn, Ngân hàng Chính sách xã hội thẩm định, phê duyệt cho vay và thực hiện giải ngân cho người vay theo quy định. Nếu không phê duyệt cho vay thì phải trả lời bằng văn bản, nêu rõ lý do và thông báo cho người vay.

Điều 11. Tổ chức chuyển vốn và giải ngân

1. Căn cứ dự toán nguồn vốn cho vay bổ sung hàng năm được duyệt và kế hoạch cấp vốn cho vay của Ngân hàng Chính sách xã hội, Sở Tài chính làm thủ tục chuyển vốn cho Ngân hàng Chính sách xã hội theo quy định hiện hành để tổ chức giải ngân kịp thời cho dự án đã được duyệt.

2. Đối với các dự án đã được phê duyệt cho vay nhưng không giải ngân được, Ngân hàng Chính sách xã hội phải báo cáo rõ lý do và hướng xử lý với cơ quan phê duyệt dự án cho vay xem xét, giải quyết.

Điều 12. Thu hồi và sử dụng vốn thu hồi.

Thu hồi và sử dụng vốn thu hồi thực hiện theo khoản 5 Điều 7 Quyết định số 49/2017/QĐ-UBND ngày 18/12/2017 của UBND tỉnh ban hành quy chế quản lý và sử dụng nguồn vốn ngân sách địa phương ủy thác qua Ngân hàng Chính sách xã hội tỉnh để cho vay đối với người nghèo, đối tượng chính sách và các đối tượng khác trên địa bàn tỉnh Vĩnh Phúc.

Điều 13. Xử lý nợ đến hạn và chuyển nợ quá hạn

1. Xử lý nợ đến hạn và chuyển nợ quá hạn thực hiện theo Điều 8 Quyết định số 49/2017/QĐ-UBND ngày 18/12/2017 của UBND tỉnh ban hành quy chế quản lý và sử dụng nguồn vốn ngân sách địa phương ủy thác qua Ngân hàng Chính sách xã hội tỉnh để cho vay đối với người nghèo, đối tượng chính sách và các đối tượng khác trên địa bàn tỉnh Vĩnh Phúc.

2. Khi chuyển nợ quá hạn, Ngân hàng Chính sách xã hội gửi thông báo chuyển nợ quá hạn cho người vay và báo cáo cơ quan có thẩm quyền phê duyệt dự án, cơ quan Lao động - TB&XH để có biện pháp thu hồi nợ hoặc chuyển hồ sơ sang cơ quan pháp luật để xử lý thu hồi theo quy định của pháp luật.

Điều 14. Phân phối, trích chuyển và sử dụng tiền lãi thu được từ Nguồn vốn giải quyết việc làm tỉnh

Căn cứ báo cáo kinh phí hoạt động của Nguồn vốn giải quyết việc làm và số lãi thu được *(trên cơ sở nguồn vốn được phân bổ)*, trích tỷ lệ % được quy định cụ thể tại Điều 9 Quyết định số 49/2017/QĐ-UBND ngày 18/12/2017 của UBND tỉnh; Hàng quý, trước ngày 15 của tháng đầu quý tiếp theo, chi nhánh Ngân hàng Chính sách xã hội trích, chuyển tiền lãi và có báo cáo bằng văn bản cho cơ quan Lao động-Thương binh và Xã hội, Sở Tài chính.

Điều 15. Xử lý nợ rủi ro

1. Các trường hợp xử lý nợ rủi ro và phương án xử lý nợ rủi ro được quy định tại Điều 10 Quyết định số 49/2017/QĐ-UBND ngày 18/12/2017 của UBND tỉnh ban hành quy chế quản lý và sử dụng nguồn vốn ngân sách địa phương ủy thác qua Ngân hàng Chính sách xã hội tỉnh để cho vay đối với người nghèo, đối tượng chính sách và các đối tượng khác trên địa bàn tỉnh Vĩnh Phúc. Ngoài ra, bổ sung thêm các trường hợp rủi ro của người lao động như sau: ảnh hưởng sức khỏe do môi trường làm việc; do tay nghề không đáp ứng được yêu cầu của doanh nghiệp; doanh nghiệp phá sản không bố trí được việc làm; thu nhập liên tục không đảm bảo đúng theo hợp đồng và các nguyên nhân khách quan bất khả kháng phải về nước trước hạn và bản thân, gia đình gặp khó khăn về kinh tế không trả được nợ.

2. Trước khi người lao động được lập hồ sơ xử lý nợ theo quy trình quy định, Ngân hàng Chính sách xã hội phối hợp với UBND các huyện, thành phố và Phòng Lao động - TB&XH cùng với chính quyền, hội đoàn thể nhận ủy thác cấp xã, Trưởng thôn, Tổ tiết kiệm và vay vốn thực hiện đôn đốc từ 3 lần trở lên trong thời gian 3 tháng mà người vay không trả được nợ thì hoàn thiện hồ sơ đề nghị khoanh nợ theo quy định. Trường hợp hết thời gian khoanh nợ, Ngân hàng Chính sách xã hội đã áp dụng biện pháp tận thu mọi nguồn có khả năng thanh toán mà người vay vẫn không có khả năng trả nợ và thì được xem xét, lập hồ sơ đề nghị xóa nợ theo quy định.

Điều 16. Kinh phí quản lý Nguồn vốn giải quyết việc làm tỉnh Vĩnh Phúc

1. Kinh phí quản lý nguồn vốn GQVL được bố trí từ nguồn kinh phí nêu tại Điều 14 Quy định này.

2. Ngân hàng Chính sách xã hội chi trả phí dịch vụ cho các cơ quan, tổ chức tham gia phối hợp với Ngân hàng Chính sách xã hội trong quá trình hướng dẫn xây dựng dự án, lập hồ sơ vay vốn và thực hiện thẩm định, giải ngân, thu hồi vốn, xử lý nợ theo quy chế quản lý tài chính của Ngân hàng Chính sách xã hội.

Chương III
TỔ CHỨC THỰC HIỆN

Điều 17. Trách nhiệm của các Sở, Ban, Ngành

1. Sở Lao động - Thương binh và Xã hội

a) Phối hợp với Sở Kế hoạch và Đầu tư, Sở Tài chính, Ngân hàng Chính sách xã hội lập dự toán ngân sách tỉnh hàng năm bổ sung cho nguồn vốn GQVL tỉnh;

b) Tổng hợp dự toán kinh phí hỗ trợ và kinh phí cho vay vốn của người lao động đi làm việc có thời hạn ở nước ngoài trước ngày 30/9 hàng năm cho năm liền kề gửi Sở Tài chính trình UBND tỉnh;

c) Phối hợp với Ngân hàng Chính sách xã hội tham mưu giúp UBND tỉnh, Hội đồng quản lý nguồn vốn GQVL quản lý, sử dụng nguồn vốn GQVL an toàn và hiệu quả.

d) Chủ trì xây dựng, triển khai kế hoạch giải quyết việc làm, kế hoạch tuyên truyền, kế hoạch nâng cao năng lực cho cán bộ làm công tác giải quyết việc làm các cấp;

đ) Chủ trì, phối hợp với các đơn vị tham gia quản lý nguồn vốn GQVL tham mưu UBND tỉnh phân bổ nguồn vốn bổ sung hàng năm cho các huyện, thành phố.

e) Chỉ đạo Trung tâm Đào tạo Lao động xuất khẩu tỉnh thực hiện công tác hỗ trợ chi phí cho người lao động đi làm việc có thời hạn ở nước ngoài, thực tập sinh kỹ thuật ở Nhật Bản theo hợp đồng.

f) Định kỳ 6 tháng, hàng năm phối hợp với các cơ quan liên quan tổ chức thanh tra, kiểm tra, giám sát việc thực hiện chính sách hỗ trợ, vay vốn đi làm việc ở nước ngoài, đi thực tập sinh kỹ thuật ở Nhật Bản theo hợp đồng và đánh giá việc thực hiện chỉ tiêu về tạo việc làm mới, các hoạt động cho vay vốn. Tổng hợp, báo cáo UBND tỉnh theo quy định.

2. Sở Tài chính

a) Chủ trì, phối hợp với Sở Kế hoạch và Đầu tư, Sở Lao động - TB&XH, Ngân hàng Chính sách xã hội lập dự toán Ngân sách tỉnh hàng năm bổ sung cho Nguồn vốn giải quyết việc làm tỉnh, báo cáo UBND tỉnh trình Hội đồng nhân dân tỉnh xem xét quyết định; tổng hợp dự toán và cân đối kinh phí hỗ trợ cho người lao động đi làm việc có thời hạn ở nước ngoài báo cáo UBND tỉnh quyết định.

b) Phối hợp với Sở Lao động - TB&XH tham mưu trình UBND tỉnh phân bổ nguồn vốn bổ sung hàng năm cho các huyện, thành phố.

c) Cấp kinh phí hỗ trợ người lao động đi làm việc có thời hạn ở nước ngoài theo kế hoạch hàng năm được UBND tỉnh phê duyệt về Trung tâm Đào tạo Lao động xuất khẩu tỉnh trước ngày 31/01 hàng năm. Hướng dẫn việc thanh quyết toán kinh phí hỗ trợ theo quy định hiện hành.

d) Phối hợp với Sở Lao động-TB&XH, Sở Kế hoạch và Đầu tư tổ chức thanh tra, kiểm tra, đánh giá việc thực hiện chỉ tiêu về tạo việc làm mới, giám sát định kỳ việc thực hiện chính sách hỗ trợ và vay vốn đi làm việc ở nước ngoài, đi thực tập sinh kỹ thuật ở Nhật Bản theo hợp đồng.

đ) Hàng năm, căn cứ báo cáo kết quả cho vay của Ngân hàng Chính sách xã hội cho người lao động tự tạo việc làm mới tại chỗ và người lao động đi làm việc có thời hạn ở nước ngoài, thực tập sinh kỹ thuật ở Nhật Bản theo hợp đồng, thẩm định, trình UBND tỉnh cấp kinh phí hỗ trợ lãi suất cho Ngân hàng Chính sách xã hội.

e) Hướng dẫn, quản lý, kiểm tra việc sử dụng kinh phí quản lý Nguồn vốn giải quyết việc làm tỉnh.

3. Sở Kế hoạch và Đầu tư

a) Phối hợp với Sở Tài chính, Sở Lao động - TB&XH, Ngân hàng Chính sách xã hội lập dự toán Ngân sách tỉnh hàng năm bổ sung cho nguồn vốn GQVL, báo cáo UBND tỉnh trình Hội đồng nhân dân tỉnh xem xét quyết định;

b) Phối hợp với Sở Lao động - TB&XH kiểm tra, giám sát việc thực hiện chính sách hỗ trợ và vay vốn đi làm việc ở nước ngoài, đi thực tập sinh kỹ thuật ở Nhật Bản theo hợp đồng; đánh giá việc thực hiện chỉ tiêu về tạo việc làm mới, các hoạt động cho vay vốn.

4. Ngân hàng Chính sách xã hội

a) Tiếp nhận và quản lý nguồn vốn cho vay bảo đảm hiệu quả. Triển khai hướng dẫn và chỉ đạo Phòng giao dịch Ngân hàng chính sách xã hội các huyện, thành phố thực hiện cho vay vốn với các đối tượng vay nêu tại Quy định này bảo đảm kịp thời, thuận lợi, đúng quy định.

b) Thực hiện quyết toán và lũy kế nguồn vốn hàng năm kịp thời, báo cáo UBND tỉnh (qua Sở Lao động-TB&XH) để UBND tỉnh bổ sung nguồn vốn cho vay đáp ứng yêu cầu của tỉnh.

c) Nhận uỷ thác nguồn vốn giải quyết việc làm của tỉnh để tổ chức cho vay giải quyết việc làm và trả phí ủy thác theo quy định của pháp luật và tại Quy định này.

d) Phối hợp với Sở Tài chính, Sở Kế hoạch và Đầu tư, Sở Lao động - TB&XH lập dự toán ngân sách tỉnh hàng năm bổ sung cho nguồn giải quyết việc làm;

đ) Hàng năm phối hợp với Sở Lao động – TB&XH tham mưu trình UBND tỉnh phân bổ nguồn vốn bổ sung cho các huyện, thành phố. Báo cáo Hội đồng quản lý nguồn vốn giải quyết việc làm tỉnh (qua cơ quan thường trực) về lãi vay từ nguồn giải quyết việc làm.

e) Chủ trì thực hiện việc trích chuyển số tiền lãi và báo cáo cơ quan Lao động – TB&XH, Sở Tài chính theo định kỳ vào ngày 15 của tháng đầu quý tiếp theo, riêng quý IV thực hiện vào ngày 31/12. Chủ trì, phối hợp với cơ quan Lao động - TB&XH quản lý, sử dụng nguồn kinh phí theo quy định hiện hành.

f) Chịu trách nhiệm trước UBND tỉnh, Trưởng ban Chỉ đạo giải quyết việc làm tỉnh nếu để ách tắc do nguyên nhân chủ quan trong việc giải ngân nguồn vốn vay giải quyết việc làm cho người lao động của tỉnh. Báo cáo kịp thời với Hội đồng Quản lý Nguồn vốn giải quyết việc làm tỉnh những khó khăn, vướng mắc trong quá trình thực hiện để chỉ đạo giải quyết.

g) Chủ trì, phối hợp với UBND cấp huyện kiểm tra, giám sát quá trình sử dụng vốn vay của người vay; tổng hợp báo cáo định kỳ tháng, quý, 6 tháng, năm;

Báo cáo đột xuất về tình hình và kết quả cho vay về Sở Lao động - TB&XH, Sở Tài chính để tổng hợp báo cáo UBND tỉnh; Phối hợp với Sở Lao động - TB&XH kiểm tra, giám sát, đánh giá việc thực hiện chỉ tiêu về tạo việc làm mới, các hoạt động cho vay vốn.

h) Chỉ đạo Phòng giao dịch Ngân hàng Chính sách xã hội cấp huyện báo cáo Phòng Lao động - TB&XH cấp huyện kết quả cho vay từ Nguồn vốn giải quyết việc làm định kỳ quý, 6 tháng, hàng năm và đột xuất theo yêu cầu.

Điều 18. Trách nhiệm của UBND các huyện, thành phố và UBND các xã, phường, thị trấn

1. UBND các huyện, thành phố

a) Xây dựng Kế hoạch giải quyết việc làm hàng năm và 5 năm của địa phương; Kế hoạch sử dụng, quản lý nguồn vốn GQVL giao hàng năm và tổ chức thực hiện; chỉ đạo các cơ quan liên quan hướng dẫn xây dựng dự án vay vốn và quyết định phê duyệt cho vay dự án thuộc thẩm quyền đồng thời chịu trách nhiệm về tính hiệu quả các chỉ tiêu tạo việc làm mới và bảo tồn nguồn vốn GQVL được giao.

b) Chỉ đạo tổ chức triển khai chính sách hỗ trợ, vay vốn đi làm việc có thời hạn ở nước ngoài của tỉnh đến các xã, phường, thị trấn. Phối hợp xử lý trường hợp lao động nhận tiền hỗ trợ nhưng không xuất cảnh được. Nắm bắt thông tin, khó khăn, vướng mắc về các chính sách hỗ trợ, vay vốn đi làm việc có thời hạn ở nước ngoài để xem xét giải quyết hoặc báo cáo UBND tỉnh giải quyết theo thẩm quyền.

c) Phối hợp với Ngân hàng Chính sách xã hội kiểm tra, giám sát quá trình sử dụng vốn vay của người vay, chỉ đạo Phòng Lao động – TB&XH, UBND các xã, phường, thị trấn phối hợp với các ngành đôn đốc, xử lý thu hồi khoản vay quá hạn; Tổng hợp báo cáo định kỳ quý, 6 tháng, năm và đột xuất báo cáo về tình hình, kết quả thực hiện về Sở Lao động -TB&XH khi có yêu cầu.

d) Tham gia kiểm tra, giám sát, đánh giá việc thực hiện chỉ tiêu về tạo việc làm mới và các hoạt động cho vay vốn của nguồn vốn GQVL theo Kế hoạch của Sở Lao động- TB&XH.

2. UBND xã, phường, thị trấn

a) Tổ chức triển khai, phổ biến các chính sách hỗ trợ, vay vốn đi làm việc có thời hạn ở nước ngoài của tỉnh cho nhân dân trên địa bàn. Nắm bắt thông tin, khó khăn, vướng mắc về các chính sách hỗ trợ, vay vốn đi làm việc có thời hạn ở nước ngoài để xem xét giải quyết hoặc báo cáo UBND cấp huyện, Sở Lao động-TB&XH giải quyết theo thẩm quyền; Hàng năm chỉ đạo các tổ chức, bộ phận liên quan phối hợp với Phòng giao dịch Ngân hàng chính sách xã hội cấp huyện rà soát nhu cầu vay vốn và chỉ tiêu việc làm để xây dựng kế hoạch trình cấp có thẩm quyền phê duyệt.

b) Chịu trách nhiệm trước pháp luật về việc xác nhận đối tượng vay vốn; xác nhận về tính hợp pháp của đối tượng vay hiện đang cư trú trên địa bàn.

c) Xác nhận đơn đề nghị hỗ trợ chi phí và các giấy tờ khác theo quy định của người lao động để hoàn thiện hồ sơ hỗ trợ chi phí đi làm việc có thời hạn ở nước ngoài; tổng hợp báo cáo tình hình và kết quả thực hiện về UBND cấp huyện.

d) Chủ trì, phối hợp với các đơn vị có liên quan đôn đốc, xử lý thu hồi nợ quá hạn, khó đòi. Phối hợp xử lý các trường hợp bị rủi ro theo quy định;

đ) Phối hợp với Trung tâm Đào tạo lao động xuất khẩu trong việc xử lý trường hợp người lao động không xuất cảnh khi đã nhận tiền hỗ trợ.

Điều 19. Trách nhiệm Trung tâm Đào tạo Lao động xuất khẩu tỉnh Vĩnh Phúc

1. Tiếp nhận và quản lý nguồn kinh phí hỗ trợ. Trực tiếp tiếp nhận, thẩm định hồ sơ đề nghị hỗ trợ chi phí đi làm việc ở nước ngoài, thực tập sinh kỹ thuật ở Nhật Bản của người lao động và chi trả kinh phí hỗ trợ bảo đảm kịp thời, đúng đối tượng, đúng định mức. Phối hợp với UBND các xã, phường, thị trấn trong việc xử lý trường hợp người lao động không xuất cảnh khi đã nhận tiền hỗ trợ.

2. Chịu trách nhiệm trước Trưởng Ban chỉ đạo giải quyết việc làm tỉnh, Giám đốc Sở Lao động - TB&XH nếu thực hiện không đúng quy định trong việc tiếp nhận, thẩm định và chi trả kinh phí hỗ trợ.

3. Phối hợp với Ngân hàng Chính sách xã hội; phòng Lao động-TB&XH cấp huyện; UBND cấp xã và các doanh nghiệp dịch vụ trên địa bàn tỉnh hướng dẫn, hỗ trợ người lao động hoàn thiện hồ sơ hỗ trợ chi phí đi làm việc có thời hạn ở nước ngoài, thực tập sinh kỹ thuật ở Nhật Bản theo hợp đồng theo quy định.

4. Tuyên truyền cho người lao động, doanh nghiệp dịch vụ về chính sách hỗ trợ xuất khẩu lao động của tỉnh.

5. Trước ngày 20/9 hàng năm lập dự toán kinh phí hỗ trợ *(phần kinh phí hỗ trợ chia theo thị trường Nhật Bản và các nước khác)* cho người lao động đi làm việc, đi thực tập sinh kỹ thuật có thời hạn ở nước ngoài trên địa bàn gửi về Sở Lao động - TB&XH.

6. Định kỳ hàng năm phải thanh quyết toán kinh phí với cơ quan tài chính cấp trên theo quy định hiện hành.

Điều 20. Trách nhiệm của các Trung tâm Dịch vụ việc làm thuộc tỉnh

1. Tuyên truyền cho người lao động, các doanh nghiệp trên địa bàn tỉnh, doanh nghiệp dịch vụ xuất khẩu lao động về chính sách hỗ trợ giải quyết việc làm của tỉnh.

2. Phối hợp với Ngân hàng Chính sách xã hội hướng dẫn, hỗ trợ người lao động hoàn thiện hồ sơ hỗ trợ chi phí đi làm việc có thời hạn ở nước ngoài, thực tập sinh kỹ thuật ở Nhật Bản theo hợp đồng.

Điều 21. Trách nhiệm của doanh nghiệp dịch vụ XKLĐ đăng ký hoạt động trên địa bàn tỉnh

1. Doanh nghiệp dịch vụ xuất khẩu lao động đưa lao động tỉnh Vĩnh Phúc đi làm việc ở nước ngoài phải thực hiện trách nhiệm thông báo việc tuyển lao động

trên địa bàn tỉnh với Sở Lao động -TB&XH theo quy định của pháp luật về đưa người lao động Việt Nam đi làm việc có thời hạn ở nước ngoài theo hợp đồng.

2. Nắm bắt kịp thời các chính sách hỗ trợ, vay vốn đi làm việc có thời hạn ở nước ngoài của tỉnh để thực hiện trách nhiệm hoàn thiện hồ sơ cho người lao động theo quy định.

3. Có trách nhiệm thông báo cho Trung tâm Đào tạo lao động xuất khẩu những trường hợp người lao động Vĩnh Phúc không xuất cảnh được.

4. Thực hiện chế độ báo cáo định kỳ tình hình đưa lao động Vĩnh Phúc đi làm việc ở nước ngoài, thực tập sinh kỹ thuật ở Nhật Bản với Sở Lao động-TB&XH Vĩnh Phúc theo quy định.

Điều 22. Đề nghị Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam tỉnh, các Đoàn thể Chính trị - Xã hội tỉnh

1. Tuyên truyền, vận động để nhân dân hiểu chủ trương chính sách của Đảng, pháp luật của Nhà nước và các chính sách của tỉnh về xuất khẩu lao động. Tuyên truyền cho người lao động rèn luyện, học tập nâng cao chất lượng lao động, giải quyết được việc làm, tăng thu nhập, giảm nghèo bền vững.

2. Chỉ đạo Ủy ban Mặt trận Tổ quốc, các Đoàn thể Chính trị - Xã hội các cấp tuyên truyền đến người dân về chính sách hỗ trợ về giải quyết việc làm của tỉnh.

3. Giám sát việc thực hiện các chính sách hỗ trợ xuất khẩu lao động của tỉnh theo chức năng, nhiệm vụ.

Điều 23. Trách nhiệm của các Tổ chức chính trị - xã hội, Tổ Tiết kiệm và vay vốn ở địa phương

1. Nhận ủy thác trong việc quản lý Nguồn vốn giải quyết việc làm theo quy định.

2. Phối hợp với Ngân hàng Chính sách xã hội nơi cho vay trong quá trình hướng dẫn xây dựng dự án, lập hồ sơ vay vốn; thực hiện thẩm định, giải ngân, thu hồi vốn và đôn đốc xử lý nợ;

3. Phối hợp với Ngân hàng Chính sách xã hội kiểm tra, giám sát, đánh giá việc thực hiện của các dự án trong việc sử dụng vốn vay.

Điều 24. Trách nhiệm của người lao động và người được ủy quyền

1. Cung cấp, kê khai đầy đủ, đúng quy trình, trình tự, hồ sơ có liên quan và chịu trách nhiệm trước pháp luật về những nội dung kê khai.

2. Thực hiện đầy đủ các nội dung cần thiết của đơn vị, tổ chức tiếp nhận hồ sơ hỗ trợ chi phí và vay vốn khi yêu cầu.

3. Khi đã nhận tiền hỗ trợ, vay vốn mà không xuất cảnh đi làm việc ở nước ngoài, thực tập sinh kỹ thuật ở Nhật Bản theo hợp đồng, người nhận tiền hỗ trợ phải hoàn trả lại tiền hỗ trợ (nếu có), trả lại vốn vay theo quy định.

Điều 25. Chế độ thông tin, báo cáo

1. Định kỳ ngày 20 hàng tháng, quý *(ngày 20 của tháng cuối quý)*, 6 tháng *(ngày 20/6)*, năm *(ngày 20/12)* và đột xuất theo yêu cầu của cấp có thẩm quyền:

a) UBND các huyện, thành phố báo cáo công tác giải quyết việc làm và đưa lao động đi làm việc ở nước ngoài, đi thực tập sinh ở Nhật Bản theo hợp đồng về Sở Lao động - TB&XH.

b) Trung tâm Đào tạo Lao động Xuất khẩu tỉnh báo cáo kết quả tạo nguồn, kết quả hỗ trợ chi phí cho người lao động đi làm việc có thời hạn ở nước ngoài, thực tập sinh kỹ thuật ở Nhật Bản theo hợp đồng về Sở Lao động - TB&XH;

c) Ngân hàng Chính sách xã hội báo cáo kết quả cho vay giải quyết việc làm và đi làm việc ở nước ngoài, đi thực tập sinh ở Nhật Bản theo hợp đồng từ Nguồn vốn của tỉnh cho vay giải quyết việc làm với Sở Lao động - TB&XH; Báo cáo tình hình quản lý và sử dụng Quỹ dự phòng rủi ro theo quy định.

Ngoài ra thực hiện báo cáo tiền lãi vay theo quy định tại Điều 14 Quy định này.

d) Trung tâm Dịch vụ việc làm tỉnh và Trung tâm Dịch vụ việc làm Thanh niên có trách nhiệm báo cáo kết quả tuyên truyền, tạo nguồn và tư vấn, giới thiệu việc làm về Sở Lao động – TB&XH.

đ) Các cơ quan, đơn vị căn cứ chức năng, nhiệm vụ được giao báo cáo về công tác giải quyết việc làm, đưa lao động đi làm việc ở nước ngoài theo hợp đồng về Sở Lao động - TB&XH.

e) Sở Lao động-TB&XH tổng hợp báo cáo UBND tỉnh về công tác giải quyết việc làm, xuất khẩu lao động.

2. Hàng năm các cấp, các ngành liên quan căn cứ chức năng, nhiệm vụ được giao tổ chức kiểm tra, sơ kết, đánh giá việc thực hiện Nghị quyết, các quyết định về giải quyết việc làm của tỉnh, kịp thời động viên, khen thưởng các tập thể, cá nhân có thành tích và khắc phục những tồn tại, hạn chế.

Điều 26. Điều khoản chuyển tiếp

1. Đối với người lao động đã xuất cảnh hoặc đã nộp hồ sơ đề nghị hỗ trợ chi phí đi làm việc có thời hạn ở nước ngoài từ ngày 01/01/2016 đến trước thời điểm Quyết định này có hiệu lực mà chưa được hỗ trợ thì được hỗ trợ theo quy định tại Quyết định số 18/2016/QĐ-UBND ngày 31/3/2016.

2. Đối với các trường hợp được duyệt vay vốn trước thời điểm Quyết định này có hiệu lực thì thực hiện theo quy định tại Quyết định số 18/2016/QĐ-UBND ngày 31/3/2016

3. Đối với các trường hợp không thuộc đối tượng điều chỉnh tại Quy định này thì thực hiện theo văn bản hiện hành của Trung ương.

Điều 27. Điều khoản thi hành

Các văn bản dẫn chiếu để áp dụng trong Quy định này nếu được sửa đổi, bổ sung hay thay thế bằng văn bản mới thì sẽ được dẫn chiếu áp dụng theo các văn bản mới đó.

Trong quá trình triển khai thực hiện nếu có khó khăn, vướng mắc các cơ quan, đơn vị, địa phương phản ánh kịp thời với Sở Lao động - TB&XH để tổng hợp báo cáo UBND tỉnh xem xét, nghiên cứu sửa đổi, bổ sung cho phù hợp với tình hình thực tế và đảm bảo đúng quy định của pháp luật./.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH

Nguyễn Văn Trì